

Bản tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - TÀI CHÍNH - KINH TẾ

- ☒ Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
- ☐ Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- ☐ Tin KINH TẾ VIỆT NAM
- ☐ Tin KINH TẾ QUỐC TẾ





NỘI DUNG CHÍNH

Tin THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

- Tổng quan thị trường
- Đồ thị một số chỉ báo phổ biến



Tin TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

- Lãi suất cho vay có sớm tăng trở lại?
- Tiền gửi dân cư tại ngân hàng quay đầu giảm
- Nhà đầu tư cá nhân mua ròng khớp lệnh hơn 6.500 tỷ đồng trong tháng 4

Tin KINH TẾ VIỆT NAM

- Xăng dầu tăng mạnh đẩy CPI 4 tháng đầu năm gần chạm mốc 4%
- Việt Nam xuất siêu 8,4 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm

Tin KINH TẾ QUỐC TẾ

- Tăng trưởng kinh tế Q.I/2024 của Eurozone đạt 0,3%
- FED giữ nguyên lãi suất như dự đoán, thừa nhận khó khăn trong cuộc chiến chống lạm phát

Bảng chỉ số

(Thứ Năm, ngày 02/05/2024)



Chứng khoán

VN - INDEX	1,209.52	↑	0.38%
HNX - INDEX	226.82	↓	-0.33%
DOW JONES INDUS	37,903.29	↓	-0.48%
EURO STOXX 50 PR	4,921.22	↓	-0.36%
CSI 300 INDEX	3,604.39	↑	2.10%

Vàng (SJC cập nhật 08h30)

SJC (Ng.đ/Lượng)	84.700	↑	0.12%
Quốc tế (USD/Oz)	2,324.97	↓	-0.23%

Tỷ giá (USD/VND cập nhật 08h30)

USD/VND (BQ LNH)	24.242	↓	-0.02%
DXY	105.78	↑	0.15%
EUR/USD	1.0712	↓	-0.12%
USD/JPY	155.94	↑	0.21%
USD/CNY	7.2410	↑	0.02%

Hàng hóa

Dầu thô WTI (USD/th)	79.23	↓	-5.55%
----------------------	-------	---	--------

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG



- Chỉ số Dollar Index (DXY) giảm 0.59% xuống còn 105.63. USD giảm giá sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất cùng một loạt dữ liệu kinh tế của Mỹ được công bố. Fed đã cảnh báo về các chỉ số lạm phát đáng thất vọng gần đây cho thấy có thể có sự đình trệ trong quá trình hướng tới sự cân bằng trong nền kinh tế. FED cũng đã công bố kế hoạch rút ngắn bảng cân đối kế toán.



- Giá vàng giao ngay tăng 0.3% lên 2,339.70 USD/Ounce. Giá vàng tăng nhẹ vào ngày thứ Sáu (26/04), sau khi dữ liệu cho thấy lạm phát tại Mỹ tăng như kỳ vọng, nhưng kim loại trú ẩn an toàn vẫn ghi nhận mức giảm trong tuần do một số phí bảo hiểm rủi ro địa chính trị giảm bớt.

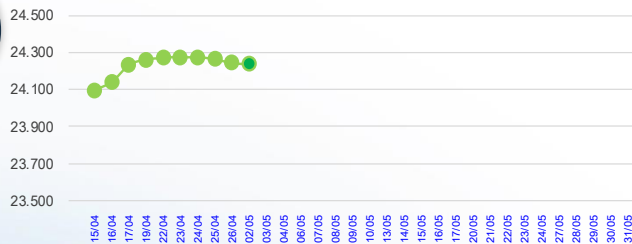


- Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/04, giá dầu thô của Mỹ WTI tăng 0.34% lên 83.85 USD/thùng. Giá dầu tăng và kết thúc chuỗi 2 tuần giảm liên tiếp, thu hút sự hỗ trợ từ những lo ngại về căng thẳng ở Trung Đông.

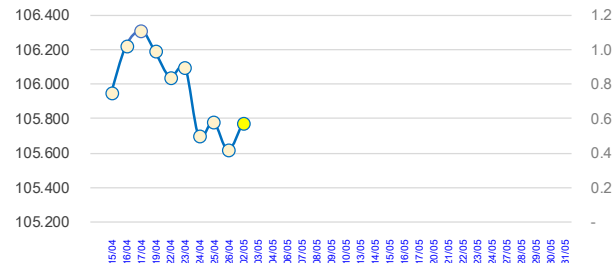
ĐỒ THỊ MỘT SỐ CHỈ BÁO PHỔ BIẾN



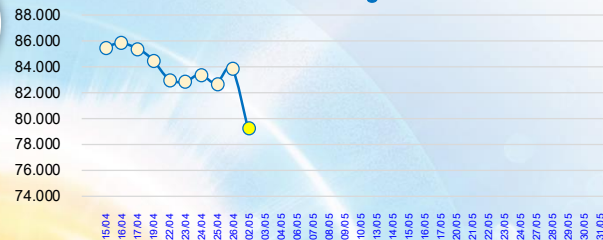
Tỷ giá trung tâm - Tháng 05/2024



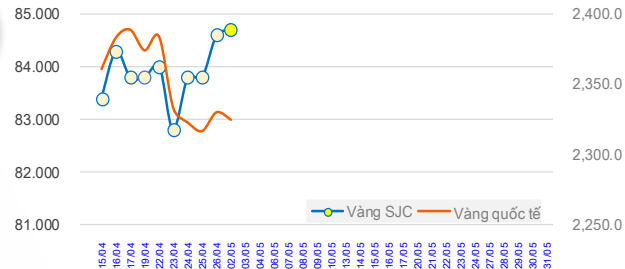
Chỉ số DXY - Tháng 05/2024



Giá dầu thô - Tháng 05/2024



Giá vàng - Tháng 05/2024



Lãi suất cho vay có sớm tăng trở lại?



Theo TS.Nguyễn Đức Độ, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế (KT) Tài chính, Học viện Tài chính, việc 1 số ngân hàng thương mại (NHTM) tăng lãi suất (LS) gần đây có thể đến từ 1 vài lý do: (i) Trong bối cảnh thị trường vàng và tỷ giá nóng lên, lượng tiền gửi ngân hàng (NH) của người dân có thể chuyển hướng và sụt giảm khiến các NH phải tăng LS để tăng hấp dẫn cho kênh đầu tư này; (ii) Bước sang Q.II, cầu tín dụng đã bắt đầu phục hồi đòi hỏi các NH phải tính đến việc huy động thêm vốn để chuẩn bị phục vụ nhu cầu tín dụng trong thời gian tới, nhất là khi hạn mức tín dụng cả năm đã được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phân bổ. Chuyên gia KT TS. Nguyễn Trí Hiếu nhận định: Trong nửa sau của năm 2024, hoạt động tín dụng sẽ trở nên sôi động hơn khi các thành phần KT vay vốn nhiều hơn phục vụ sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Khi đó LS cho vay có thể tăng trở lại, cùng nhịp tăng với LS huy động. Tại thời điểm này, nhiều NH vẫn tiếp tục neo thấp LS huy động và cho vay. Tuy nhiên, theo ông, Ls không phải "cây đũa thần" để vực dậy nền KT. Đánh giá về khả năng điều chỉnh LS của cơ quan quản lý, TS.Nguyễn Đức Độ cho rằng, KT Việt Nam đang trong giai đoạn phục hồi nhưng tốc độ phục hồi còn tương đối chậm. Do vậy, NHNN có thể sẽ chưa tăng LS điều hành, còn việc có giảm hay không cũng khó dự báo bởi LS hiện tại cũng đang ở mức khá thấp.

Tiền gửi dân cư tại ngân hàng quay đầu giảm

THÁNG 01 NĂM 2024

Chỉ tiêu	Số dư(Tỷ đồng)	Tốc độ tăng (giảm) so với cuối năm 2023 (%)
Tổng phương tiện thanh toán (*)	15.999.293	0,00
Trong đó:		
- Tiền gửi của các TCKT	6.676.544	-2,41
- Tiền gửi của dân cư	6.498.068	-0,53

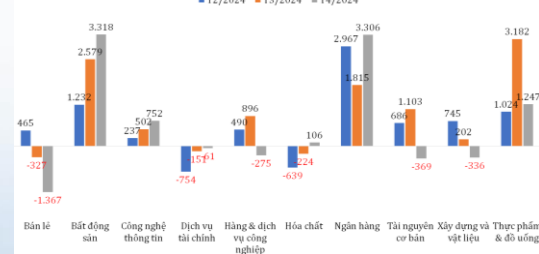
NHNN vừa cập nhật số liệu về tiền gửi của khách hàng tại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) đến cuối tháng 1/2024. Theo đó, tiền gửi của cả khách hàng doanh nghiệp (DN) và dân cư đều giảm mạnh trong tháng đầu năm. Cụ thể, tiền gửi của các tổ chức KT cuối tháng 1/2024 là hơn 6,67 triệu tỷ đồng, **↓165.000 tỷ sv** cuối năm 2023, **↓#2,41%**. Trước đó, tiền gửi của nhóm khách hàng này đã tăng đột biến hơn 457.000 tỷ đồng trong tháng 12/2023 lên mức kỷ lục hơn 6,84 triệu tỷ đồng. Trong khi đó, tiền gửi của dân cư cũng giảm hơn 34.600 tỷ đồng trong tháng 1/2024 xuống mức gần 6,5 triệu tỷ đồng. Đáng chú ý, đây là tháng đầu tiên tiền gửi dân cư quay đầu sụt giảm, sau khi đã liên tục tăng trưởng dương 25 tháng liên tiếp trước đó... Trên thực tế, việc tiền gửi của các tổ chức KT giảm mạnh trong những tháng đầu năm không phải là chuyện hiếm thấy. Trong khi đó, việc tiền gửi dân cư giảm mạnh trong tháng đầu năm 2024 có thể do mặt bằng LS huy động xuống thấp kỷ lục trong thời điểm này. Ghi nhận trên thị trường tháng 1-3/2024, LS tiền gửi của các NH đã xuống dưới 5%/năm đối với kỳ hạn 12 tháng, nhiều nơi chỉ huy động với LS 4,5%/năm. Từ đầu tháng 4/2024, LS huy động mới bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại, thống kê có 16 NH điều chỉnh tăng, có nơi **↑0,9 điểm %**.

Nhà đầu tư cá nhân mua ròng khớp lệnh hơn 6.500 tỷ đồng trong tháng 4

GIAO DỊCH KHỚP LỆNH CỦA NĐT CÁ NHÂN THEO NHÓM NGÀNH

(Nguồn: Linh Chi tổng hợp. Đơn vị: Tỷ đồng)

■ T2/2024 ■ T3/2024 ■ T4/2024



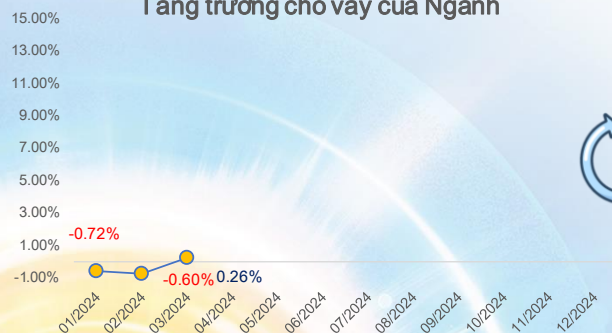
VN-Index khép lại tháng 4 tại mức giá 1.209,62 điểm, ↓74,57 điểm, #5,81% sv cuối tháng 3. Với nhịp giảm này, thị trường chứng khoán đã ngắt mạch tăng 5 tháng liên tục từ vùng 1.020 điểm tháng 11/2023. Bên cạnh sự điều chỉnh về mặt chỉ số, thanh khoản thị trường giảm mạnh. Tổng giá trị giao dịch bình quân (BQ) phiên ở mức 24.405 tỷ đồng, ↓18% sv tháng trước nhưng vẫn ↑11,3% sv mức BQ 3 tháng đầu năm. Liên quan đến giao dịch của nhóm nhà đầu tư (NĐT), cá nhân trong nước là bên mua ròng duy nhất. Giao dịch của nhóm này đã cân lệnh bán ra từ phía khối ngoại, tổ chức trong nước và bộ phận tự doanh công ty chứng khoán. Cụ thể, NĐT cá nhân mua ròng #4.135 tỷ đồng, trong đó họ mua ròng hơn 6.500 tỷ đồng qua kênh khớp lệnh. Theo thống kê của FiinTrade, giao dịch mua ròng của NĐT cá nhân diễn ra tại 9/18 nhóm ngành. Trong đó, cổ phiếu bất động sản mua ròng 3.318 tỷ đồng, lớn nhất trong tháng 4. Theo sau, dòng tiền cá nhân mua ròng hơn ngàn tỷ đồng các đại diện thuộc nhóm NH (3.306 tỷ đồng), thực phẩm & đồ uống (1.247 tỷ đồng). Các ngành công nghệ thông tin, điện, nước & xăng dầu, khí đốt, hóa chất, ... cũng thu hút dòng tiền cá nhân trong nước với giá trị thấp hơn. Chiều ngược lại, NĐT cá nhân tiếp tục bán ròng mạnh nhất cổ phiếu bán lẻ với quy mô 1.367 tỷ đồng. Cổ phiếu ngành tài nguyên cơ bản và xây dựng & vật liệu nằm trong Top rút ròng với giá trị lần lượt là 369 tỷ đồng và 336 tỷ đồng. Áp lực bán từ NĐT cá nhân được chứng kiến ở cổ phiếu hàng & dịch vụ công nghiệp (275 tỷ đồng), hàng cá nhân & gia dụng (137 tỷ đồng), ...

BIỂU ĐỒ HUY ĐỘNG, CHO VAY, TỶ GIÁ, LÃI SUẤT

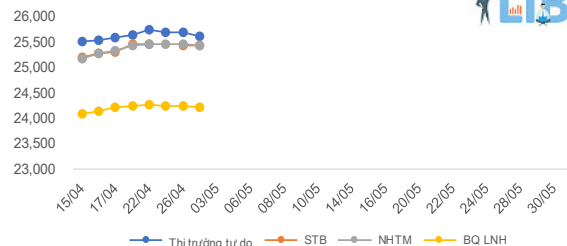
Tăng trưởng huy động của Ngành



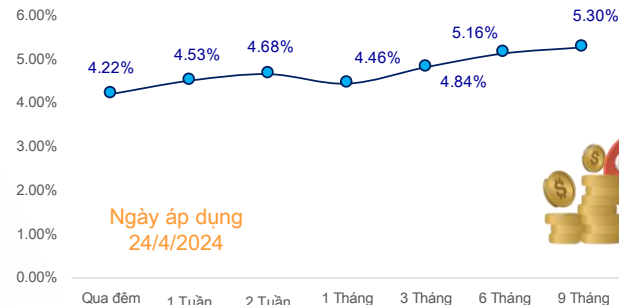
Tăng trưởng cho vay của Ngành



Tỷ giá liên ngân hàng tháng 05/2024



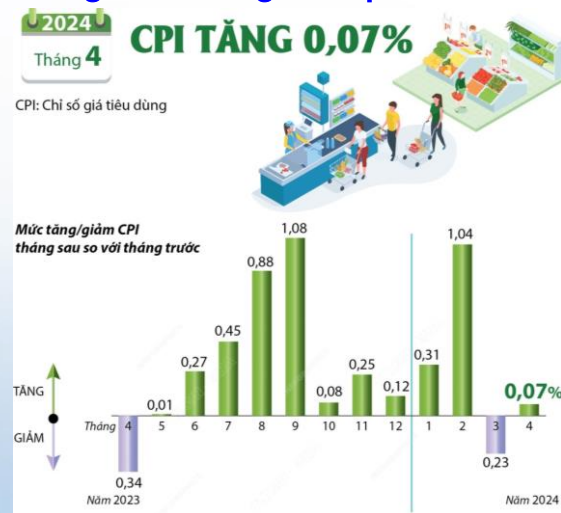
Lãi suất bình quân liên ngân hàng



Ngày áp dụng
24/4/2024



Xăng dầu tăng mạnh đẩy CPI 4 tháng đầu năm gần chạm mốc 4%



Theo báo cáo KT xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024 của Tổng cục Thống kê, trong tháng 4, CPI $\uparrow 0,07\%$ sv tháng 3, $\uparrow 1,19\%$ sv tháng 12/2023 và $\uparrow 4,4\%$ sv cùng kỳ 2023. BQ 4 tháng đầu năm 2024, CPI $\uparrow 3,93\%$ sv cùng 2023; lạm phát cơ bản $\uparrow 2,81\%$. Giá xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới là nguyên nhân chính làm CPI tăng cao. Bên cạnh đó, trong mức $\uparrow 0,07\%$ của CPI tháng 4 sv tháng 3 có 8 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng. Cụ thể, nhóm giao thông tăng cao nhất với 1,95% (làm CPI chung $\uparrow 0,19$ điểm %), chủ yếu do giá xăng trong nước $\uparrow 4,78\%$; giá dầu diezen $\uparrow 2,01\%$ do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế $\uparrow 0,92\%$; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác $\uparrow 0,27\%$; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng $\uparrow 0,21\%$ chủ yếu do giá điện sinh hoạt $\uparrow 0,27\%$ và nhu cầu sử dụng điện tăng khi thời tiết nắng nóng gay gắt ở các địa phương phía Nam; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép $\uparrow 0,12\%$; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình $\uparrow 0,11\%$; nhóm đồ uống và thuốc lá $\uparrow 0,09\%$; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch $\uparrow 0,03\%$. Ngoài ra, có 3 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống $\downarrow 0,13\%$; nhóm bưu chính, viễn thông $\downarrow 0,17\%$; Nhóm giáo dục $\downarrow 2,93\%$ sv tháng 3, góp phần giảm CPI chung $\downarrow 0,18$ điểm %, trong đó dịch vụ giáo dục $\downarrow 3,32\%$. CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý gồm dịch vụ y tế và giáo dục tháng 4 $\uparrow 0,17\%$ sv tháng 3 và $\uparrow 2,79\%$ sv cùng kỳ 2023. BQ 4 tháng, lạm phát cơ bản $\uparrow 2,81\%$ sv cùng kỳ 2023, thấp hơn mức CPI BQ chung ($\uparrow 3,93\%$), chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu và giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Việt Nam xuất siêu 8,4 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



Xuất khẩu
123,64 tỷ USD
▲ 15,0%



XUẤT SIÊU
8,4 tỷ USD



Nhập khẩu
115,24 tỷ USD
▲ 15,4%

Theo số liệu Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 4 ước đạt 61,2 tỷ USD, ↓5,2% sv tháng 3 và ↑15% sv cùng kỳ 2023. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu (XK) hàng hóa ước đạt 30,94 tỷ USD, ↓8,1% sv tháng 3. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước (KV KTTN) đạt 8,73 tỷ USD, ↓6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, kể cả dầu thô (KV FDI) đạt 22,21 tỷ USD, ↓8,9%. Sv cùng kỳ 2023, kim ngạch XK hàng hóa tháng 4 ↑10,6%, trong đó KV KTTN ↑11,8%, KV FDI ↑10,1%. Về nhập khẩu (NK), kim ngạch NK hàng hóa ước đạt 30,26 tỷ USD, ↓2% sv tháng 3. Trong đó, KV KTTN đạt 11,21 tỷ USD, ↓3,1%; KV FDI đạt 19,05 tỷ USD, ↓1,4%. Sv cùng kỳ 2023, kim ngạch NK hàng hóa tháng 4 ↑19,9%, trong đó KV KTTN ↑24,2%; KV FDI ↑17,5%. Tính chung 4 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 238,88 tỷ USD, ↑15,2% sv cùng kỳ 2023. Trong đó, kim ngạch XK hàng hóa ước đạt 123,64 tỷ USD, ↑15% sv cùng kỳ 2023 và 21 mặt hàng đạt kim ngạch XK trên 1 tỷ USD, chiếm 86,4% tổng kim ngạch XK (có 5 mặt hàng XK trên 5 tỷ USD, chiếm 57,8%). Kim ngạch NK hàng hóa ước đạt 115,24 tỷ USD, ↑15,4% sv cùng kỳ 2023 và có 20 mặt hàng NK đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 78,9% tổng kim ngạch NK (có 2 mặt hàng NK trên 5 tỷ USD, chiếm 39,4%). Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa, Hoa Kỳ là thị trường XK lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 34,1 tỷ USD, Trung Quốc là thị trường NK lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 41,6 tỷ USD... Tính chung 4 tháng đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,4 tỷ USD (cùng kỳ 2023 xuất siêu 7,66 tỷ USD). Trong đó, KV KTTN nhập siêu 8,24 tỷ USD; KV FDI xuất siêu 16,64 tỷ USD.

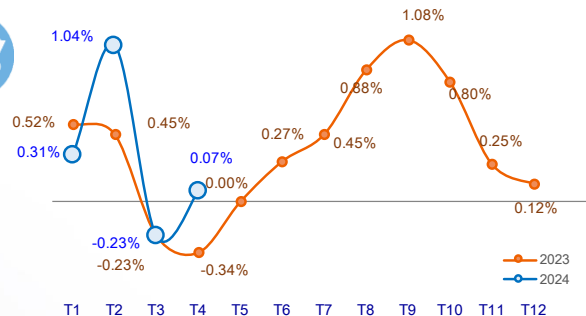
BIỂU ĐỒ MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ



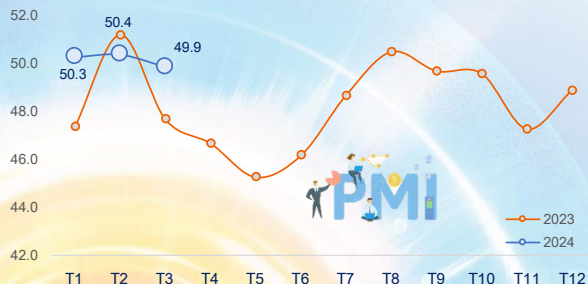
GDP năm 2023 - 2024



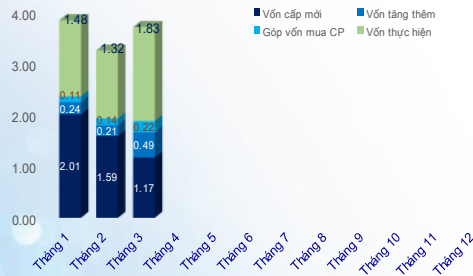
CPI năm 2023-2024



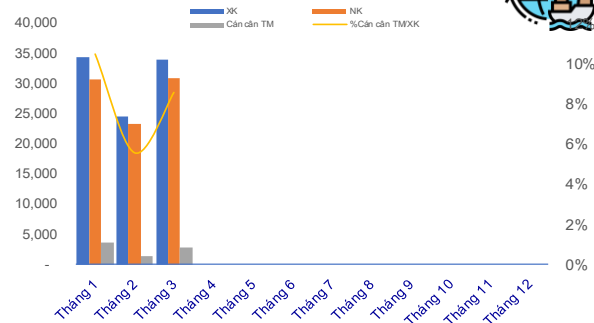
PMI năm 2023 - 2024



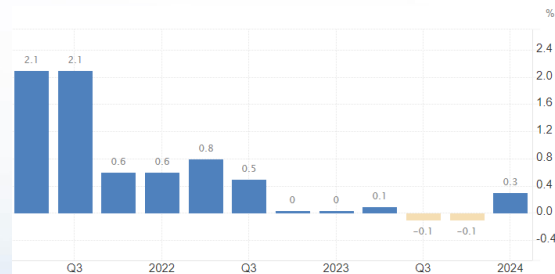
Vốn FDI năm 2024



Xuất - Nhập khẩu năm 2024



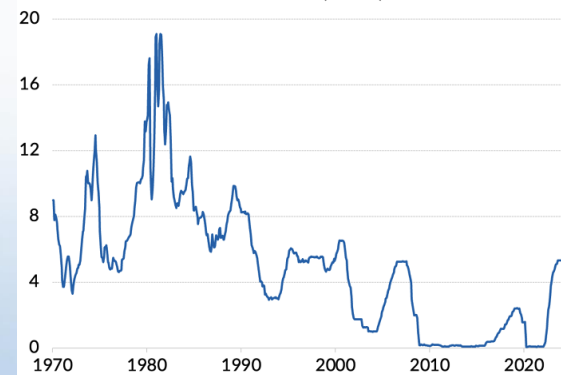
Tăng trưởng kinh tế Q.I/2024 của Eurozone đạt 0,3%



Các dữ liệu chính thức công bố ngày 30/4 cho thấy, nền KT Eurozone đã thoát khỏi suy thoái với mức tăng trưởng cao hơn dự kiến trong Q.I/2024 và lạm phát được giữ ổn định trong tháng 4. Theo dữ liệu Cơ quan thống kê chính thức của EU, KT trong Eurozone, gồm 20 quốc gia, đạt mức **↑0,3%** trong Q.I/2024 sv Q.IV/2023. Trước đó, giới phân tích dự báo mức **↑0,1%**. Eurozone bước vào giai đoạn suy thoái kỹ thuật trong nửa cuối năm 2023 sau khi tăng trưởng âm trong 2 quý cuối của năm 2023. Các nhà KT cho rằng, những con số này khó có thể ngăn NHTW châu Âu (ECB) cắt giảm LS trong tháng 6 như dự kiến. Cùng ngày, Văn phòng Thống kê Liên bang Đức công bố, nền KT Đức đã cho thấy khả năng có thể phục hồi nhẹ trong nửa đầu năm nay, mang lại hy vọng Đức có thể thoát khỏi tình trạng KT ảm đạm kéo dài. Theo số liệu thống kê mới, nền KT lớn nhất châu Âu đã tăng trưởng trong Q.I, đảo ngược tình trạng suy thoái cuối năm ngoái. GDP của Đức **↑0,2%** trong Q.I/2024 sv quý trước đó, khi nền KT suy giảm ở mức 0,5% sau khi đã điều chỉnh số liệu. Mức tăng mới nhất phản ánh sự cải thiện trong cả ngành xây dựng và xuất khẩu. Tuy nhiên, tiêu dùng hộ gia đình lại giảm trong quý này. Tâm trạng u ám đã bao trùm nền KT Đức khi DN phải vật lộn với chi phí năng lượng tăng cao, lạm phát cao và LS tăng cao.

FED giữ nguyên lãi suất như dự đoán, thừa nhận khó khăn trong cuộc chiến chống lạm phát

Lãi suất quỹ liên bang hiệu lực hàng tháng
tính từ đầu năm 1970 đến T4/2024 (dvt: %)



Ngày 1/5, FED đã quyết định không hạ LS trong bối cảnh cuộc chiến chống lạm phát trở nên căng thẳng hơn. Trong động thái được nhiều người dự đoán từ trước, Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC, cơ quan hoạch định chính sách của FED) đã giữ nguyên LS trong phạm vi 5,25-5,5% khi kết thúc cuộc họp ngày 1/5. LS quỹ liên bang đã ở mức đó kể từ tháng 7/2023, khi FED tăng lần cuối và kéo chi phí đi vay liên NH lên mức cao nhất trong hơn 2 thập kỷ. Trong tuyên bố sau cuộc họp, FOMC lưu ý rằng các quan chức không nhận thấy nhiều tiến triển trong việc đưa lạm phát quay trở lại mức mục tiêu 2%. “Ủy ban không kỳ vọng LS sẽ giảm trước khi các thành viên tự tin hơn rằng lạm phát chắc chắn đang đi xuống mức 2%”, tuyên bố nêu rõ, lặp lại thông điệp mà FOMC đã dùng sau cuộc họp tháng 1&3. FOMC nhận xét, nền KT Mỹ đang tăng trưởng với “tốc độ bền vững” trong bối cảnh việc làm tăng “mạnh” và tỷ lệ thất nghiệp “thấp. Trong cuộc họp báo ngay sau quyết định chính sách, Chủ tịch FED đã bày tỏ lo ngại rằng: “Lạm phát vẫn còn quá cao. Chúng tôi chưa chắc sẽ ghi nhận thêm tiến triển trên mặt trận chống lạm phát và con đường phía trước cũng không chắc chắn”. Tuy nhiên, các nhà đầu tư hài lòng với bình luận của Chủ tịch FED rằng FED khó có thể tăng LStrở lại. Chủ tịch FED cũng nhấn mạnh FOMC cần đưa ra quyết định “theo từng cuộc họp”. FOMC còn nhất trí sẽ bắt đầu giảm tốc độ thắt chặt định lượng từ tháng 6. Động thái này cho thấy khả năng FED tiến tới nới lỏng chính sách tiền tệ đang ngày càng lớn. Lạm phát đã giảm nhiệt sv mức đỉnh vào giữa 2022 nhưng hầu hết dữ liệu tính đến thời điểm hiện tại đều cho thấy áp lực giá vẫn đang cao hơn nhiều sv mục tiêu 2%.

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI – VIỆT NAM

	2024	2024
World Bank	2,4%	2,4%
IMF	3,1%	3,2%
OECD	2,9%	3,0%
UNCTAD		



	2024	2025
World Bank	5,5%	6,0%
ADB	6,0%	6,2%
OECD	5,9%	
IMF	5,8%	6,5%
UOB	6,0%	
HSBC	6,3%	
Standard Chartered Bank	6,0%	
VNDirect		

Cập nhật theo dự báo mới nhất của các tổ chức



WEBSITE THAM KHẢO



Bảng chỉ số

<https://www.hsx.vn/>

<https://hnx.vn/vi-vn/hnx.html>

<https://www.bloomberg.com/markets/stocks>

<https://goldprice.org/vi>

<http://www.sjc.com.vn/>

https://www.sbv.gov.vn/TyGia/faces/TyGia.jspx?_afWindowMode=0&_afLoop=20457854754928577&_adf.ctrl-state=1a9g0kizgf_4

Tin Tài chính - Ngân hàng

<https://vietnambiz.vn/lai-suat-cho-vay-co-som-tang-tro-lai-202451201128804.htm>

<https://vietnambiz.vn/ndt-ca-nhan-mua-rong-khop-lenh-hon-6500-ty-dong-trong-thang-4-202451132319821.htm>

<https://cafef.vn/tien-gui-dan-cu-tai-ngan-hang-quay-dau-giam-188240430192234555.chn>

Tin Kinh tế Việt Nam

<https://vietnambiz.vn/xang-dau-tang-manh-day-cpi-4-thang-dau-nam-gan-cham-moc-4-202442993841328.htm>

<https://vietnambiz.vn/viet-nam-xuat-sieu-84-ty-usd-trong-4-thang-dau-nam-202442910526870.htm>

Tin Kinh tế quốc tế

<https://bnews.vn/tang-truong-kinh-te-quy-i-2024-cua-eurozone-dat-0-3/331587.html>

<https://vietstock.vn/2024/05/fed-giu-nguyen-lai-suat-giam-nhip-do-that-chat-dinh-luong-775-1185136.htm>